

Cà Mau, ngày 04 tháng 5 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI QUẢN LÝ, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2025/NQ-HĐND NGÀY 21/02/2025 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2025/NQ-HĐND NGÀY 21/02/2025 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU (Nghị quyết đang áp dụng)	NGHỊ QUYẾT SỐ 27/2023/NQ-HĐND NGÀY 08/12/2023 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU (Nghị quyết không áp dụng nhưng chưa được bãi bỏ)	NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI QUẢN LÝ, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU	
Tên văn bản: Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Tên văn bản: Nghị quyết Ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Tên văn bản: Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Tên văn bản theo tên gọi của nhiệm vụ theo Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN; theo Nghị quyết số số

			07/NQ-HĐND ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh và có điều chỉnh theo ý kiến thống nhất tại cuộc họp giữa các đơn vị có liên quan do Sở Tư pháp tổ chức ngày 23/4/2026 tại Sở Tư pháp
Căn cứ pháp lý: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013	Căn cứ pháp lý: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019. Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013. Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015. Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm	Căn cứ pháp lý: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Căn cứ Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;	Áp dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mới.

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015. Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ. Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ. Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước. Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHHCN ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;	
---	--	---	--

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau. 2. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh Cà Mau để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ được thực hiện theo mức chi tương ứng tại Nghị quyết này.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị quyết này quy định định mức xây dựng dự toán và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, trong đó: a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, bao gồm: Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Đề án khoa học cấp tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ. b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bao gồm: Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở; Dự án	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN), khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN). 2. Đối tượng áp dụng a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau. b) Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Phạm vi điều chỉnh thay đổi theo quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN Đối tượng áp dụng kế thừa và mở rộng thêm hoạt động về đổi mới sáng tạo theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành; theo quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-
--	--	--	---

	khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của cơ sở và do Thủ trưởng cơ sở ký hợp đồng thực hiện. 2. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh Bạc Liêu để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ được thực hiện theo mức chỉ tương ứng tại quy định này. 3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc nội dung triển khai của các chương trình khoa học và công nghệ theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong từng giai đoạn được áp dụng theo quy định này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có). 4. Những nội dung khác về định mức xây dựng dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân		BKHCN và tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN
--	--	--	---

	sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu không được nêu trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.		
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách địa phương. 2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước. 2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước tỉnh Bạc Liêu và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.		

Điều 3. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ 1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ a) Tiền chi thù lao cho các chức danh tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo tháng quy đổi thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh 30.000.000 đồng/người/tháng; chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở 18.000.000 đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ; Mức chi cụ thể của các chức danh hoặc nhóm chức danh, áp dụng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Điều 4. Định mức xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước - Tiền thù lao cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa không quá 28 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và tối đa không quá 14 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; đối với các chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ. - Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy đổi đủ một	Điều 3. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh 1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo a) Chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy đổi thành tháng 56.000.000 đồng/người/tháng; đối với các chức danh quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm và hệ số lao động khoa học của các chức danh áp dụng theo quy định tại Điều 9 thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. 2. Chi thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo a) Thuê chuyên gia trong nước: Mức chi không quá	- Nội dung chi thay đổi, mở rộng thêm nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, phù hợp quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. - Mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm trong Nghị quyết được áp dụng bằng 80% mức chi quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. So với Nghị quyết 02/2025/NQ-HĐND tăng 86,7%. Lý do: Mức kinh phí này nhằm khuyến khích, tạo động lực cho các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành tham gia thực hiện
---	---	---	--

hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu: Mức chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày). 2. Chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ a) Thuê chuyên gia trong nước: Mức chi không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 3, Nghị quyết này;	tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày. Hệ số tiền công ngày tính theo mức lương cơ sở: Chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh 0,7, cấp cơ sở 0,32; Thư ký khoa học cấp tỉnh 0,21, cấp cơ sở 0,17; Thành viên chính cấp tỉnh 0,56, cấp cơ sở 0,25; Thành viên cấp tỉnh 0,28, cấp cơ sở 0,13; Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ cấp tỉnh 0,14, cấp cơ sở 0,06. - Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: + Người chủ trì: Cấp tỉnh 1.400.000 đồng/buổi; cấp cơ sở 630.000 đồng/buổi; + Thư ký: Cấp tỉnh 400.000 đồng/buổi; cấp cơ sở 180.000 đồng/buổi; + Báo cáo viên: Cấp tỉnh 2.100.000 đồng/báo cáo; cấp cơ sở 940.000	30% tổng kinh phí chi tiền thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tổng kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quyết định sau khi có văn bản giải trình của cơ quan chủ trì nhiệm vụ. b) Thuê chuyên gia ngoài nước là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài: Mức chi không quá 50% tổng kinh phí chi tiền thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ đặc thù hoặc công nghệ lõi của chuyển đổi số có tổng kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia vượt quá 50% tổng kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải trình cụ thể lý do để cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước	nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ phát triển đột phá khoa học và công nghệ của các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới. + Mức chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước không thay đổi và bằng với mức chi quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. + Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phitrong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục
--	--	---	---

b) Thuê chuyên gia ngoài nước: Mức chi không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 3, Nghị quyết này. 3. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định; thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước và theo quy định hiện hành. Việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trong phạm vi dự toán hàng năm. 4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phitrong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu. Áp dụng mức chi theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và chế độ chi tiếp khách.	đồng/báo cáo; + Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày: Cấp tỉnh 1.050.000 đồng/báo cáo; cấp cơ sở 470.000 đồng/báo cáo; + Thành viên tham gia: Cấp tỉnh 210.000 đồng/thành viên/buổi; cấp cơ sở 90.000 đồng/ thành viên/buổi. - Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Chủ tịch hội đồng cấp tỉnh 630.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 280.000 đồng/nhiệm vụ. Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng cấp tỉnh 525.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 240.000 đồng/nhiệm vụ. Thư ký khoa học cấp tỉnh 110.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 50.000	xem xét, quyết định kinh phí thực hiện nhiệm vụ. 3. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. 4. Chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau, Thông tư số 140/2025/TT-BTC. Ngoài ra, mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, như sau: a) Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa	vụ hoạt động nghiên cứu: Nghị quyết xây dựng bằng 80% mức chi quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. So với Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND thù lao tham gia tăng như sau: người chủ trì và thành viên tham gia mức chi tăng 6,7%; thư ký tăng 49%; báo cáo viên trình bày tăng 77,7%; báo cáo viết nhưng không trình bày tăng 113,3%. Lý do: Việc đề xuất áp dụng cao hơn nhằm thu hút các nhà khoa học, đơn vị quan tâm, tham dự và
---	---	--	---

Ngoài ra, mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, như sau: a) Người chủ trì: Cấp tỉnh 1.500.000 đồng/buổi; cấp cơ sở 900.000 đồng/buổi; b) Thư ký: Cấp tỉnh 375.000 đồng/buổi; cấp cơ sở 225.000 đồng/buổi; c) Báo cáo viên: Cấp tỉnh 2.250.000 đồng/báo cáo; cấp cơ sở 1.350.000 đồng/báo cáo; d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày: Cấp tỉnh 1.125.000 đồng/báo cáo; cấp cơ sở 675.000 đồng/báo cáo; đ) Thành viên tham gia: Cấp tỉnh 225.000 đồng/thành viên/buổi; cấp cơ sở 135.000 đồng/ thành viên/buổi. 5. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu: Áp dụng mức chi theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra	đồng/nhiệm vụ. Thư ký hành chính cấp tỉnh 110.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 50.000 đồng/nhiệm vụ. Đại biểu được mời tham dự cấp tỉnh 100.000đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 45.000 đồng/nhiệm vụ. Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng cấp tỉnh 245.000 đồng/phiếu nhận xét đánh giá; cấp cơ sở 110.000 đồng/phiếu nhận xét đánh giá. Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng cấp tỉnh 350.000 đồng/phiếu nhận xét đánh giá; cấp cơ sở 160.000 đồng/phiếu nhận xét đánh giá. - Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách	đàm khoa học: 1.600.000 đồng/buổi. b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 560.000 đồng/buổi. c) Báo cáo viên trình bày hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 4.000.000 đồng/báo cáo. d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 2.400.000 đồng/báo cáo. đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 240.000 đồng/thành viên/buổi. 5. Chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. 6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau. 7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn; phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. 8. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá, mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ,	có những tham luận sâu sắc, tính khoa học cao phục vụ tại các cuộc hội thảo để góp phần tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới. + Chi phí quản lý nhiệm vụ và chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ áp dụng bằng mức quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và bằng mức chi tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND, mức tối đa dự thảo quy định bằng 80% quy định tại Thông tư số
--	---	---	--

thống kê trên địa bàn tỉnh. 6. Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở, được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá, mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại khoản 3 Điều 4, Nghị quyết này. 7. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 05% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng tối đa không quá 225.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tối đa không quá 135.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. 8. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu; chỉ văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn và các nội dung khác có liên quan trực tiếp đến phục vụ hoạt động nghiên cứu triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Thực	Nhà nước nhưng tối đa không quá 210 triệu đồng/nhiệm vụ.	đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. 9. Chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (báo giấy, báo hình, báo điện tử, xuất bản ấn phẩm và các phương tiện truyền thông khác) thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. 10. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 400.000.000 đồng/nhiệm vụ. 11. Chi thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương II Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Riêng đối với nội dung và mức chi tại khoản 3 Điều 34 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng công	39/2025/TT-BKHCN và tăng 77,8% so mức tối đa quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND. Lý do: Để thu hút các tổ chức, nhà khoa học giỏi, nhân tài tham gia thực hiện và phù hợp với biến động giá cả thị trường và thu nhập thực tế hiện nay. Nội dung tại mục 11, 12 áp dụng bằng mức quy định Thông tư 39/2025/TT-BKHCN, quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND, Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND, Nghị
--	---	--	---

hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.		chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND. 12. Chi hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 38, Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN. Riêng đối với nội dung và mức chi tại điểm c khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 38 và điểm a khoản 2, điểm c khoản 5, điểm d khoản 7, mục a2 điểm a, mục c2 điểm c, mục d2 và mục d3 điểm d khoản 8 Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Thông tư số 140/2025/TT-BTC.	quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau (nghị quyết đang xây dựng).
Điều 4. Nội dung và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ 1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ	Điều 5. Định mức chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ - Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học	Điều 2. Nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh 1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	- Nội dung chi các Hội đồng với tên gọi thay đổi theo quy định tại Thông tư số

khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng; hậu cần phục vụ họp Hội đồng, thuê dịch vụ khoa học và công nghệ liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng, thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng; công tác phí cho các thành viên Hội đồng được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc thực hiện và các quy định hiện hành của pháp luật. 2. Chi thù lao Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ a) Chủ tịch: Cấp tỉnh 900.000 đồng; cấp cơ sở 540.000 đồng; b) Phó chủ tịch, thành viên: Cấp tỉnh 600.000 đồng; cấp cơ sở 360.000 đồng; c) Thư ký khoa học, thư ký hành chính: Cấp tỉnh 180.000 đồng;	và công nghệ + Chủ tịch: Cấp tỉnh 1.050.000 đồng; cấp cơ sở 525.000 đồng; + Phó chủ tịch, thành viên: Cấp tỉnh 700.000 đồng; cấp cơ sở 350.000 đồng; + Thư ký khoa học, thư ký hành chính: Cấp tỉnh 210.000 đồng; cấp cơ sở 105.000 đồng; + Đại biểu được mời tham dự: Cấp tỉnh 140.000 đồng; cấp cơ sở 70.000 đồng; + Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: Cấp tỉnh 490.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 245.000 đồng/phiếu; + Nhận xét đánh giá của ủy viên: Cấp tỉnh 350.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 175.000 đồng/phiếu; + Chủ tịch Hội đồng xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện: Cấp tỉnh 490.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 245.000	a) Chi tiền thù lao <i>Đơn vị tính: 1.000 đồng/1 người/1 phiếu nhận xét</i> <table> <tr> <th data-bbox="1081 300 1149 411">TT</th><th data-bbox="1149 300 1585 411">Nội dung</th><th data-bbox="1585 300 1720 411">Đơn vị tính</th><th data-bbox="1720 300 1868 411">Mức chi</th></tr> <tr> <td data-bbox="1081 411 1149 1114">1</td><td data-bbox="1149 411 1585 1114">Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển</td><td data-bbox="1585 411 1720 1114"></td><td data-bbox="1720 411 1868 1114"></td></tr> <tr> <td data-bbox="1081 1114 1149 1209">a</td><td data-bbox="1149 1114 1585 1209">Chi họp Hội đồng</td><td data-bbox="1585 1114 1720 1209">Hội đồng</td><td data-bbox="1720 1114 1868 1209"></td></tr> <tr> <td data-bbox="1081 1209 1149 1289"></td><td data-bbox="1149 1209 1585 1289">Chủ tịch Hội đồng</td><td data-bbox="1585 1209 1720 1289"></td><td data-bbox="1720 1209 1868 1289">1.800</td></tr> <tr> <td data-bbox="1081 1289 1149 1417"></td><td data-bbox="1149 1289 1585 1417">Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng</td><td data-bbox="1585 1289 1720 1417"></td><td data-bbox="1720 1289 1868 1417">1.500</td></tr> </table>	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	1	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển			a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng			Chủ tịch Hội đồng		1.800		Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.500	38/2025/TT-BKHCN. - Mức chi tại Nghị quyết tương ứng với mức cao nhất quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN; so với Nghị quyết 02/2025/NQ-HĐND thì tăng 25%. Lý do: Mức chi trên nhằm khuyến khích, tạo động lực cho các nhà khoa học giỏi, chuyên gia đầu ngành tham gia các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng của các Hội đồng, phù hợp với tính chất, quy mô của Hội đồng; tạo điều
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi																				
1	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển																						
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng																					
	Chủ tịch Hội đồng		1.800																				
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.500																				

cấp cơ sở 110.000 đồng; d) Đại biểu được mời tham dự: Cấp tỉnh 120.000 đồng; cấp cơ sở 70.000 đồng; đ) Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: Cấp tỉnh 420.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 250.000 đồng/phiếu; e) Nhận xét đánh giá của ủy viên: Cấp tỉnh 300.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 180.000 đồng/phiếu; g) Chủ tịch Hội đồng xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện: Cấp tỉnh 420.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 250.000 đồng/nhiệm vụ; h) Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện: Cấp tỉnh 300.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 180.000 đồng/nhiệm vụ. 3. Chi thù lao Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội	đồng/nhiệm vụ; + Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện: Cấp tỉnh 350.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 175.000 đồng/nhiệm vụ. - Chi thù lao Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ + Chủ tịch: Cấp tỉnh 1.260.000 đồng; cấp cơ sở 630.000 đồng; + Phó chủ tịch, thành viên: Cấp tỉnh 1.050.000 đồng; cấp cơ sở 525.000 đồng; + Thư ký khoa học, thư ký hành chính: Cấp tỉnh 210.000 đồng; cấp cơ sở 105.000 đồng; + Đại biểu được mời tham dự: Cấp tỉnh 140.000 đồng;	<table> <tr> <td></td><td>Thư ký khoa học</td><td></td><td>300</td></tr> <tr> <td></td><td>Thư ký hành chính</td><td></td><td>300</td></tr> <tr> <td></td><td>Đại biểu được mời tham dự</td><td></td><td>200</td></tr> <tr> <td>b</td><td>Chi nhận xét đánh giá</td><td>01 phiếu nhận xét</td><td></td></tr> <tr> <td></td><td>Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng</td><td></td><td>700</td></tr> <tr> <td></td><td>Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện</td><td></td><td>1.000</td></tr> <tr> <td>c</td><td>Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện</td><td>Nhiệm vụ</td><td></td></tr> <tr> <td></td><td>Chủ tịch Hội đồng</td><td></td><td>700</td></tr> <tr> <td></td><td>Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng</td><td></td><td>500</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm</td><td></td><td></td></tr> </table>		Thư ký khoa học		300		Thư ký hành chính		300		Đại biểu được mời tham dự		200	b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét			Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		700		Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		1.000	c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ			Chủ tịch Hội đồng		700		Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		500	2	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm			kiện cho đơn vị quản lý nhiệm vụ trong việc mời các chuyên gia tham gia các Hội đồng tư vấn trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Vì để có ý kiến nhận xét, đánh giá trong các Hội đồng tư vấn, thành viên Hội đồng cần dành nhiều thời gian để nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ triển khai và có ý kiến đóng góp để nhiệm vụ đạt hiệu quả tốt nhất khi triển khai thực hiện. Đặc biệt là hồ sơ của
	Thư ký khoa học		300																																								
	Thư ký hành chính		300																																								
	Đại biểu được mời tham dự		200																																								
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét																																									
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		700																																								
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		1.000																																								
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ																																									
	Chủ tịch Hội đồng		700																																								
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		500																																								
2	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm																																										

đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ a) Chủ tịch: Cấp tỉnh 1.440.000 đồng; cấp cơ sở 860.000 đồng; b) Phó chủ tịch, thành viên: Cấp tỉnh 1.200.000 đồng; cấp cơ sở 720.000 đồng; c) Thư ký khoa học, thư ký hành chính: Cấp tỉnh 240.000 đồng; cấp cơ sở 150.000 đồng; d) Đại biểu được mời tham dự: Cấp tỉnh 160.000 đồng; cấp cơ sở 100.000 đồng; đ) Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: Cấp tỉnh 800.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 480.000 đồng/phiếu; e) Nhận xét đánh giá của ủy viên: Cấp tỉnh 560.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 340.000 đồng/phiếu. 4. Chi hoạt động của Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi tại	cấp cơ sở 70.000 đồng; + Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: Cấp tỉnh 700.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 350.000 đồng/phiếu; + Nhận xét đánh giá của ủy viên: Cấp tỉnh 490.000 đồng/phiếu; cấp cơ sở 245.000 đồng/phiếu. - Chi hoạt động của Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu. - Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ hoạt động: Cấp tỉnh 1.050.000 đồng/chuyên gia; cấp cơ sở 525.000 đồng/chuyên gia. - Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	vụ đổi mới sáng tạo			các Hội đồng tư vấn điều thuộc loại hồ sơ lưu vĩnh viễn (theo Thông tư số 03/2025/TT-BKHCN ngày 15/5/2025) và các thành viên Hội đồng phải chịu trách nhiệm vĩnh viễn với ý kiến nhận xét, đánh giá của mình. Vì vậy nên có mức thù lao tương xứng để áp dụng. Nội dung tại mục 5, mục 6 dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi bằng mức tối đa của Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN, và là nội dung mới so với Nghị quyết số 02/2025/NQ-	
		a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng		
			Chủ tịch Hội đồng			1.500
			Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng			1.000
			Thư ký khoa học			300
			Thư ký hành chính			300
			Đại biểu được mời tham dự			200
		b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét		
			Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng			500
			Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện			700
		3	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
		a	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm		

khoản 2, Điều này. 5. Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ hoạt động: Cấp tỉnh 1.200.000 đồng/chuyên gia; cấp cơ sở 720.000 đồng/chuyên gia. 6. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ a) Tổ trưởng: Cấp tỉnh 750.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 450.000 đồng/nhiệm vụ; b) Thành viên: Cấp tỉnh 525.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 315.000 đồng/nhiệm vụ; c) Thư ký hành chính: Cấp tỉnh 225.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 135.000 đồng/nhiệm vụ; d) Đại biểu được mời tham dự: Cấp tỉnh 150.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 90.000 đồng/nhiệm vụ. 7. Chi thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập: Cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc	+ Tổ trưởng: Cấp tỉnh 700.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 350.000 đồng/nhiệm vụ; + Thành viên: Cấp tỉnh 490.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 245.000 đồng/nhiệm vụ; + Thư ký hành chính: Cấp tỉnh 210.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 105.000 đồng/nhiệm vụ; + Đại biểu được mời tham dự: Cấp tỉnh 140.000 đồng/nhiệm vụ; cấp cơ sở 70.000 đồng/nhiệm vụ.			vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả		HĐND.
		Chủ tịch Hội đồng			1.800	
		Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng			1.500	
		Thư ký khoa học			300	
		Thư ký hành chính			300	
		Đại biểu được mời tham dự			200	
	b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét			
		Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng			700	
		Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện			1.000	
	4	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập,				

lập, với mức chi bằng 05 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp hội đồng của Chủ tịch hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng) của hội đồng tương ứng. 8. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. 9. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Áp dụng mức chi theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chế độ công tác phí, chế độ hội			chương trình, chính sách, chiến lược			
		a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương	
			Chủ tịch Hội đồng	Công		
			Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công		
			Thư ký khoa học	Công		
			Thư ký hành chính	Công		

nghị và chế độ chi tiếp khách. 10. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định đối với chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4 Điều 3, Nghị quyết này. 11. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến quản lý hoạt động khoa học và công nghệ được thực hiện trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.		<table border="1"> <tr> <td></td><td></td><td></td><td>của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.</td></tr> <tr> <td>b</td><td>Chi nhận xét đánh giá</td><td>01 phiếu nhận xét</td><td></td></tr> <tr> <td></td><td>Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng</td><td></td><td>1.000</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia</td><td>Chuyên gia</td><td>1.500</td></tr> </table> b) Chi thù lao của các Hội đồng khác quy định tại Nghị quyết này được áp dụng bằng 80% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này. c) Các nội dung chi khác (thuê hội trường, văn phòng				của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.	b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét			Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		1.000	5	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia	Chuyên gia	1.500	
			của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.																
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét																	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		1.000																
5	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia	Chuyên gia	1.500																

		phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND) và quy định pháp luật khác có liên quan. 2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo a) Chi tiền thù lao <i>Đơn vị tính: 1.000 đồng</i> <table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức chi</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Tổ trưởng tổ thẩm định</td><td>Nhiệm vụ</td><td>1.000</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Thành viên tổ thẩm định</td><td>Nhiệm vụ</td><td>700</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Thư ký hành chính</td><td>Nhiệm vụ</td><td>300</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Đại biểu được mời tham dự</td><td>Nhiệm vụ</td><td>200</td></tr> </tbody> </table> b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND và các quy định của pháp luật khác có liên quan. 3. Chi kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000	2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700	3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi																				
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000																				
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700																				
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300																				
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200																				

		động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND; b) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này; c) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này. 4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định đối với chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn,	
--	--	--	--

		tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này. 5. Chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 3 điểm a khoản 1 Điều này. 6. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau. b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu; các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành và các báo giá liên quan. c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công	
--	--	--	--

		tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này; Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí (sau đây viết tắt là Thông tư số 140/2025/TT-BTC). d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn; chi công tác thông tin, tuyên truyền, công bố chiến lược, kế hoạch trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác); các khoản chi khác phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch thực hiện theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 8 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. 7. Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác); chi đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 7 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. Riêng nội dung chi thù lao cho Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương	
--	--	--	--

		trình, chính sách, chiến lược thực hiện theo quy định tại mục 4 điểm a khoản 1 Điều này.	
Không quy định riêng, lồng ghép tại Điều 3, Điều 4	Không quy định riêng, lồng ghép tại Điều 4, Điều 5	Điều 4. Nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở Mức chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở áp dụng bằng 80% mức chi cấp tỉnh quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 2 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này. Các nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở khác áp dụng bằng nội dung và mức chi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.	- Nội dung chi thay đổi và phù hợp quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. Mức chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở bằng 80% cấp tỉnh, tương đương bằng 80% quy định tại Thông tư số 38/2025/TT. So Nghị quyết

			02/2025/NQ-HĐND tăng từ 60 – 67,4% theo từng chức danh tham gia; Mức chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở bằng 80% cấp tỉnh, tương đương bằng 64% quy định tại Thông tư số 39/2028/TT-BKHCN. So với nghị quyết 02/2025/NQ-HĐND tăng 148%. Các nội dung và mức chi khác bằng cấp tỉnh và theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-
--	--	--	---

			BKHCN. Lý do: Định mức trên nhằm khuyến khích các nhà khoa học giỏi, các chuyên gia đầu ngành tham gia nghiên cứu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở nhằm phục vụ các ngành, địa phương phát triển, dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của tỉnh, phấn đấu đạt chỉ tiêu tăng trưởng hai con số trong thời gian tới và phù hợp với biến động giá cả thị trường hiện nay.
Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Nguồn ngân sách nhà nước	Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Nguồn kinh phí sự	Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa	Kế thừa nội dung quy định tại Nghị quyết số

chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh. 2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.	ng nghiệp khoa học và công nghệ do ngân sách Nhà nước đảm bảo. 2. Nguồn kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. 3. Nguồn kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.	học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. 2. Nguồn kinh phí của các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.	02/2025/NQ-HĐND và có điều chỉnh thuật ngữ “khoa học và công nghệ” thành “khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” theo đúng hệ thống văn bản QPPL hiện hành.
Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ. 2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Điều 7. Quy định chuyển tiếp 1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ. 2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại quy định này được sửa đổi, bổ	Điều 6. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026. 2. Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành quy định định mức xây dựng dự toán và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. 3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung và	Kế thừa nội dung quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND và có điều chỉnh các nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

	sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.	thay thế. 4. Các nội dung và mức chi quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 38/2025/TT-BKHCHN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCHN. 5. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	
Điều 7. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	Điều 2. Tổ chức thực hiện (tại Quyết định) 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.	Điều 7. Tổ chức thực hiện 1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Hội đồng nhân dân tỉnh Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	Kế thừa nội dung quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND và có điều chỉnh câu từ cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.